



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



TRƯỜNG ĐẠI HỌC

KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

HANOI UNIVERSITY OF BUSINESS AND TECHNOLOGY (HUBT)

# THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026 (DỰ KIẾN)



TỔNG ĐÀI  
TUYỂN SINH

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

1900 633695

Địa chỉ: số 29A, ngõ 124 phố Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội

Website: <http://hubt.edu.vn>

Chuyên trang tuyển sinh: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>

Điện thoại: (024)36.33.91.13





## MỤC LỤC

<b>I. THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>1</b>
1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội	1
2. Mã trường: DQK	1
3. Địa chỉ:	1
4. Thông tin liên hệ	1
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:	1
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:	1
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:	1
<b>II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY</b>	<b>2</b>
<b>1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển</b>	<b>2</b>
1.1. Đối tượng dự tuyển bao gồm:	2
1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:	2
<b>2. Mô tả phương thức tuyển sinh</b>	<b>2</b>
2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026	2
2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (hoặc tương đương) – Xét HB	3
2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức (HSA)	4
2.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu và xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc kết quả học tập cả năm cấp THPT	4
<b>3. Quy tắc quy đổi độ lệch ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh</b>	<b>5</b>
<b>4. Số lượng tuyển sinh</b>	<b>5</b>
<b>5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo</b>	<b>8</b>
5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:	8
5.2. Điểm cộng:	8
5.3. Nội dung khác	9
<b>6. Tổ chức tuyển sinh</b>	<b>9</b>
6.1. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong phạm vi cả nước	9
6.2. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm	9
6.3. Hồ sơ xét tuyển gồm:	10
6.4. Hình thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển:	10
<b>7. Chính sách ưu tiên</b>	<b>10</b>
7.1. Xét tuyển thẳng:	10
7.2. Ưu tiên xét tuyển:	10
<b>8. Lệ phí xét tuyển</b>	<b>10</b>
<b>9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh</b>	<b>11</b>
<b>10. Các nội dung khác</b>	<b>11</b>
<b>11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất</b>	<b>11</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	<b>14</b>
<b>PHỤ LỤC 01: DANH MỤC TỔ HỢP MÔN TUYỂN SINH</b>	<b>14</b>
<b>PHỤ LỤC 02: HỌC PHÍ</b>	<b>17</b>



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC  
KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2267/BGH

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

## THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026

(Hình thức đào tạo: Đại học chính quy)

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội**  
Tên tiếng Anh: Hanoi University of Business and Technology (HUBT)
- Mã trường: DQK**
- Địa chỉ:**
  - + Cơ sở chính: **Số 29A, Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, Hà Nội.**
  - + Cơ sở 2: Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- Thông tin liên hệ**
  - + Website: <http://hubt.edu.vn>
  - + Facebook: <https://www.facebook.com/dhkinhdoanhvacongngh>
  - + Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:**
  - + Điện thoại liên hệ: 024-36339113 hoặc 024-36336507 (máy lẻ:110)
  - + Hotline: 1900 633 695
  - + Fax: 024-36336506

Họ tên	Chức danh	Điện thoại	E-mail
PGS., TS. Phạm Dương Châu	Phó Hiệu trưởng phụ trách, Chủ tịch HĐTS		
PGS., TS. Phạm Văn Đăng	Phó Trưởng phòng Phụ trách Phòng QLĐT, Thường trực, Trưởng Ban thư ký HĐTS.		
ThS. Trần Ngọc Dũng	Phó Trưởng phòng QLĐT, Ủy viên HĐTS	0886888217	tndunghubt@gmail.com
TS. Vũ Thị Thu Hương	Phó Trưởng phòng QLĐT, Thư ký HĐTS	0912074757	huongvt7680@yahoo.com

- Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh:**
  - + Website tuyển sinh : <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>
- Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:**
  - + Website: <http://hubt.edu.vn>

## II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

### 1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

#### 1.1. Đối tượng dự tuyển bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- Người có chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức (ký hiệu là TSA) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức (ký hiệu là HSA).

#### 1.2. Đối tượng dự tuyển phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, cơ sở đào tạo thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các chương trình đào tạo phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

### 2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Trường sử dụng các phương thức tuyển sinh sau:

#### 2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Mã phương thức tuyển sinh (PTTS): 100, thang điểm: 30
- Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp xét tuyển<sup>(1)</sup> + Điểm ưu tiên<sup>(2)</sup> + Điểm cộng<sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup>: Điểm tổ hợp xét tuyển = Tổng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển

<sup>(2)</sup>: Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>(3)</sup>: Điểm cộng (nếu có): tối đa 10% thang điểm (3 điểm). Đối với những thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ quốc tế, mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm (thang 30). Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm xét môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 hoặc quy đổi thành điểm khuyến khích theo thông báo của cơ sở đào tạo.

#### - Ngưỡng đầu vào theo phương thức tuyển sinh

- ✓ **Các Chương trình đào tạo thuộc 09 lĩnh vực:** Nghệ thuật, Kinh doanh và quản lý, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nhân văn, Khoa học xã hội, Du lịch, Môi trường: ngưỡng đầu vào là điểm tổ hợp xét tuyển (hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT 3 môn Toán + Văn + 1 môn bất kỳ khác) **tối thiểu là 15 điểm**.
- ✓ **Các Chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe** (Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng) và **lĩnh vực Pháp luật** (Cử nhân Luật kinh tế): ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (dự kiến công bố ngày 08/07/2026).

## 2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (hoặc tương đương) – Xét học bạ.

- Mã phương thức tuyển sinh (PTTS): 200, thang điểm: 30

- Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp xét tuyển<sup>(1)</sup> + Điểm ưu tiên<sup>(2)</sup> + Điểm cộng<sup>(3)</sup>

<sup>(1)</sup>: Điểm tổ hợp xét tuyển = Điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 của 03 môn trong tổ hợp xét tuyển.

<sup>(2)</sup>: Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

<sup>(3)</sup>: Điểm cộng (nếu có) tối đa 10% thang điểm (3 điểm). Đối với những thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ quốc tế, mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm (thang 30). Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm xét môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 hoặc quy đổi thành điểm khuyến khích theo thông báo của cơ sở đào tạo.

- Ngưỡng đầu vào theo phương thức tuyển sinh

✓ **Các Chương trình đào tạo thuộc 09 lĩnh vực:** Nghệ thuật, Kinh doanh và quản lý, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kiến trúc và xây dựng, Nhân văn, Khoa học xã hội, Du lịch, Môi trường; ngưỡng đầu vào là điểm tổ hợp xét tuyển theo kỳ thi tốt nghiệp THPT (Mã PTTS: 100) hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn Toán + Văn + 1 môn bất kỳ khác **tối thiểu là 15 điểm (áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026).**

**Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước,** không áp dụng ngưỡng đầu vào như trên mà ngưỡng đầu vào của phương thức xét học bạ (Mã PTTS: 200) được xác định theo quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào (độ lệch ngưỡng đầu vào) so với Phương thức tuyển sinh bằng điểm thi (Mã PTTS: 100). Ví dụ: Mức điểm tối thiểu theo PTTS 100 là 17 thì dự kiến mức điểm theo PTTS 200 là 17,5 điểm. Công thức quy đổi tương đương giữa các PTTS xem tại <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

✓ **Chương trình đào tạo Cử nhân Luật kinh tế:** gồm cả 2 điều kiện sau:

- Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12: **Tốt** (học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Đối tượng trung học nghề và tương đương: kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đạt **Tốt**.
- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt **18 điểm trở lên** hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ **8,5 điểm trở lên**.

### Các Chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe

✓ **CTĐT Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt, Dược sĩ:** gồm cả 2 điều kiện sau

- Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12: **Tốt** (học lực xếp loại từ giỏi trở lên). Đối với đối tượng trung học nghề và tương đương: kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đạt **Tốt**.
- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt **20 điểm** trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ **8,5 điểm** trở lên.

✓ **CTĐT Cử nhân Điều dưỡng:** gồm cả 2 điều kiện sau

- Kết quả trung bình chung học tập cả năm lớp 12 đạt từ **Khá** trở lên (học lực xếp loại từ khá trở lên). Đối với đối tượng trung học nghề và tương đương: kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đạt từ **Khá** trở lên.
- Tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt **16,5 điểm** trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ **6,5 điểm** trở lên.

**2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức (HSA).**

- Mã phương thức tuyển sinh (PTTS): 402; Thang điểm TSA: 100 điểm; Thang điểm HSA: 150 điểm
- Điểm xét tuyển = Điểm kỳ thi đánh giá
  - ✓ Phương thức này không áp dụng đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe và ngành có môn năng khiếu.
  - ✓ Thí sinh phải có kết quả học tập cả năm lớp 12 loại Khá trở lên và kết quả rèn luyện ở mức Đạt trở lên.
- Ngưỡng đầu vào theo phương thức tuyển sinh:  
Theo thông báo của Cơ sở đào tạo sau khi tiến hành quy đổi ngưỡng đầu vào với phương thức xét điểm thi (Mã PTTS: 100).

**2.4. Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu và xét kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hoặc kết quả học tập cả năm cấp THPT.**

(Các môn năng khiếu nhà trường có tổ chức thi tuyển hoặc dựa vào kết quả thi năng khiếu của các trường đại học trên cả nước)

- Mã phương thức tuyển sinh (PTTS): 405 (Kết hợp KQ thi tốt nghiệp THPT với điểm thi năng khiếu); 406 (Kết hợp KQ học tập cấp THPT với điểm thi năng khiếu).
- Thang điểm: 30
- Áp dụng đối với các ngành: **Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa, Kiến trúc**
- Điểm xét tuyển = Điểm tổ hợp xét tuyển<sup>(1)</sup> + Điểm ưu tiên<sup>(2)</sup> + Điểm cộng<sup>(3)</sup>
  - <sup>(1)</sup>: Điểm tổ hợp xét tuyển = Điểm trung bình chung kết quả học tập cả năm các lớp 10, 11, 12 hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 của các môn văn hóa trong tổ hợp xét tuyển + Điểm môn năng khiếu (Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu do Trường tổ chức thi/ các Trường khác tổ chức thi).
  - <sup>(2)</sup>: Điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo quy định tại Điều 7 Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
  - <sup>(3)</sup>: Điểm cộng (nếu có) tối đa 10% thang điểm (3 điểm). Đối với những thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc chứng chỉ quốc tế, mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm (thang 30). Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm xét môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 hoặc quy đổi thành điểm khuyến khích theo thông báo của cơ sở đào tạo.
- Thông tin chi tiết về tổ chức thi môn năng khiếu do Trường tổ chức thi:
  - ✓ **Đối với Ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa:**
    - Thí sinh thi vẽ mỹ thuật trực tiếp tại trường:
      - Thời gian: ngày 06/7/2026
      - Thí sinh làm thủ tục dự thi tại phòng A413, Văn phòng Khoa Mỹ thuật Ứng dụng từ 9h00 đến 11h00. Thí sinh làm bài thi Vẽ mỹ thuật (bố cục màu hoặc hình họa hoặc vẽ tranh tự do với chủ đề, chất liệu tự chọn) tại phòng C714 (giấy vẽ phát tại phòng thi) từ 14h00 đến 16h00
    - Thí sinh gửi bài vẽ mỹ thuật để xét tuyển:
      - Thời gian nhận bài: trước ngày 13/7/2026
      - Thí sinh vẽ bài mỹ thuật trên giấy A3 (bố cục màu hoặc hình họa hoặc vẽ tranh tự do với chủ đề, chất liệu tự chọn) nộp trực tiếp hoặc gửi bưu điện về phòng A413, Văn phòng Khoa Mỹ thuật Ứng dụng, Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (số 29 A, ngõ 124 Vĩnh Tuy, phường Vĩnh Hưng, Hà Nội)

- Thông báo kết quả thi tuyển, xét tuyển vẽ mỹ thuật: trước 15h00 ngày 13/7/2026
  - Link thông báo xét tuyển: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>;
  - Số điện thoại liên hệ: **0912.049.085** (thầy Vũ) - **0912.882.676** (thầy Cao Anh Liệu).
- ✓ **Đối với Ngành Kiến trúc:** Thi năng khiếu hoặc gửi hồ sơ đánh giá năng khiếu.
- Thi năng khiếu trực tiếp tại trường:
    - Thí sinh đăng ký dự thi trước ngày **10/04/2026**, trực tiếp tại Phòng **A515** - Văn phòng khoa Kiến trúc hoặc đăng ký Online tại Website trường: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>
    - Thời gian thi: 08h00-12h00 ngày **11/04/2026**.
    - Thông báo kết quả điểm thi môn Vẽ năng khiếu trước **28/4/2026**.
  - Thí sinh gửi bài vẽ năng khiếu để xét tuyển
    - Thí sinh gửi bài tự vẽ năng khiếu chủ đề tính vật, đầu tượng, phong cảnh bằng bút chì hoặc màu nước trên khổ giấy A3 về Văn phòng khoa Kiến trúc (theo địa chỉ trên).
    - Thời gian gửi bài trước **05/05/2026**.
    - Thông báo kết quả điểm năng khiếu trước **15/05/2026**.
- **Trường hợp sử dụng kết quả thi năng khiếu của các Trường đại học trên cả nước:**  
*Tất cả các thí sinh đăng ký xét tuyển vào các ngành có môn năng khiếu của Nhà trường cần liên hệ trực tiếp với Trường để nộp phiếu điểm kết quả thi năng khiếu, vẽ mỹ thuật (bản photo có công chứng) của Cơ sở đào tạo khác phục vụ cho việc xét tuyển.*  
Số điện thoại liên hệ:  
 Ngành Thiết kế nội thất, Thiết kế đồ họa: **0912049085 (thầy Vũ), 0912882676 (thầy Liệu);**  
 Ngành Kiến trúc: **0973.214.368.**

### 3. Quy tắc quy đổi độ lệch ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Trường sử dụng kết quả tuyển sinh của 02 năm gần nhất để xây dựng quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào giữa các phương thức tuyển sinh (PTTS).
- Sử dụng mức điểm trúng tuyển các ngành theo PTTS kết quả thi THPT để làm phương thức gốc.
- Hệ số quy đổi / độ lệch cụ thể Trường sẽ thông báo sau.

### 4. Số lượng tuyển sinh:

Mã trường: **DQK**

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Mã PTTS	Tổ hợp xét tuyển (Danh mục tổ hợp xem phần phụ lục 01)
1	7210403	Cử nhân Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	100	100	H01;H06;H08
						200	H01;H06;H08
						405	H01;H06;H08
						406	H01;H06;H08
2	7340101	Cử nhân Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	960	100	A00;A01;C04;D01;D09;D10;X17;X25
						200	A00;A01;C04;D01;D09;D10;X17;X25
						402	402
3	7340120	Cử nhân Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	400	100	A00;C04;D01;D09;D10;X21;X25
						200	A00;C04;D01;D09;D10;X21;X25
						402	402

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Mã PTTS	Tổ hợp xét tuyển (Danh mục tổ hợp xem phần phụ lục 01)
4	7340201-1	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	185	100	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
						200	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
						402	402
5	7340201-2	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính	7340201	Tài chính - Ngân hàng	185	100	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
						200	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
						402	402
6	7340301	Cử nhân Kế toán	7340301	Kế toán	470	100	A00;C01;C03;D01;D09;D10;X17;X25
						200	A00;C01;C03;D01;D09;D10;X17;X25
						402	402
7	7380107	Cử nhân Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	284	100	A00;C00;C03;D01;D09;D10;X01;X25
						200	A00;C00;C03;D01;D09;D10;X01;X25
						402	402
8	7480201	Kỹ sư Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	960	100	A00;A01;D01;D10;X02;X05;X06;X26
						200	A00;A01;D01;D10;X02;X05;X06;X26
						402	402
9	7510203	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	170	100	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						200	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						402	402
10	7510205	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	301	100	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						200	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						402	402
11	7510301	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	100	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						200	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
						402	402
12	7510406	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	30	100	A00;A06;B00;B03;C02;X05;X07;X11
						200	A00;A06;B00;B03;C02;X05;X07;X11
						402	402

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Mã PTTS	Tổ hợp xét tuyển (Danh mục tổ hợp xem phần phụ lục 01)
13	7580101	Kiến trúc sư	7580101	Kiến trúc	50	100	H00;H06;V00;V01;V02;V06
						200	H00;H06;V00;V01;V02;V06
						405	H00;H06;V00;V01;V02;V06
						406	H00;H06;V00;V01;V02;V06
14	7580106	Cử nhân Quản lý đô thị và công trình	7580106	Quản lý đô thị và công trình	20	100	A00;A01;D01;X05;X06;X21
						200	A00;A01;D01;X05;X06;X21
						402	402
15	7580108	Cử nhân Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	50	100	H01;H06;H08
						200	H01;H06;H08
						405	H01;H06;H08
						406	H01;H06;H08
16	7580201	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	70	100	A00;A01;A04;B08;X01;X05;X06;X11;X21
						200	A00;A01;A04;B08;X01;X05;X06;X11;X21
						402	402
17	7720101	Bác sĩ Y khoa	7720101	Y khoa	144	100	A00;A02;B00;B01;B03;D07;D08;X13
						200	A00;A02;B00;B01;B03;D07;D08;X13
18	7720201	Dược sĩ	7720201	Dược học	180	100	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
						200	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
19	7720301	Cử nhân Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	64	100	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
						200	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
20	7720501	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	60	100	A00;A01;A02;B00;B01;B03;B04;D07;D08
						200	A00;A01;A02;B00;B01;B03;B04;D07;D08
21	7220201	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	320	100	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						200	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						402	402
22	7220202	Cử nhân Ngôn ngữ Nga	7220202	Ngôn ngữ Nga	50	100	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						200	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						402	402

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Mã PTTS	Tổ hợp xét tuyển (Danh mục tổ hợp xem phần phụ lục 01)
23	7220204	Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	899	100	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						200	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
						402	402
24	7310101	Cử nhân Kinh tế	7310101	Kinh tế	200	100	A00;A01;D01;X05;X06;X11;X17;X21
						200	A00;A01;D01;X05;X06;X11;X17;X21
						402	402
25	7310205	Cử nhân Quản lý nhà nước	7310205	Quản lý nhà nước	40	100	C00;C04;D01;X05;X21;X62;X70;X78
						200	C00;C04;D01;X05;X21;X62;X70;X78
						402	402
26	7810103	Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	238	100	A00;A07;C00;C04;X05;X21;X74;X78
						200	A00;A07;C00;C04;X05;X21;X74;X78
						402	402
27	7850101	Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50	100	A00;A06;B00;D07;D12;X01;X13;X62
						200	A00;A06;B00;D07;D12;X01;X13;X62
						402	402
<b>Tổng cộng</b>					<b>6.630</b>		

## 5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo:

### 5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

**Không có** (chỉ sử dụng trong trường hợp lọc các thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách).

Ví dụ: tiêu chí phụ là thứ tự nguyện vọng để chọn thí sinh ở cuối danh sách có cùng điểm trúng tuyển nhưng nguyện vọng cao hơn.

### 5.2. Điểm cộng:

- **Điểm thưởng** dành cho các đối tượng thí sinh được xét tuyển thẳng nhưng không sử dụng quyền xét tuyển thẳng theo quy định tại khoản 2, Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; mức điểm thưởng từ 0 - 3,00 điểm theo thang điểm 30;
- **Điểm xét thưởng** dành cho các đối tượng thí sinh có thành tích hoặc có năng khiếu đặc biệt; mức điểm xét thưởng từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30;
- **Điểm khuyến khích** dành cho các đối tượng thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ hoặc có chứng chỉ quốc tế; mức điểm khuyến khích từ 0 - 1,50 điểm theo thang điểm 30.
- Kết quả chứng chỉ ngoại ngữ được quy đổi thành điểm xét môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 hoặc quy đổi thành điểm khuyến khích theo thông báo của cơ sở đào tạo.

### 5.3. Nội dung khác

- Trường không phân bổ chỉ tiêu giữa các phương thức tuyển sinh. Tất cả thí sinh sẽ được xét đầy đủ các phương thức tuyển sinh của từng Chương trình đào tạo khi có đủ dữ liệu do Bộ GD&ĐT cung cấp (Điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT; Kết quả học tập cấp THPT/ Học bạ; Khu vực ưu tiên, đối tượng ưu tiên của thí sinh) và Dữ liệu do thí sinh cung cấp (Chứng chỉ ngoại ngữ/ Giấy chứng nhận kết quả thi năng khiếu tại trường hoặc của Trường khác / Giấy chứng nhận Kết quả bài thi đánh giá năng lực HSA/ Giấy chứng nhận Kết quả bài thi đánh giá tư duy TSA). Sau đó dựa vào Quy tắc quy đổi điểm trúng tuyển giữa các phương thức để xác định số lượng thí sinh trúng tuyển theo nguyên tắc lấy từ cao đến thấp. Những thí sinh trúng tuyển bằng nhiều phương thức khác nhau sẽ được lấy điểm trúng tuyển của phương thức lần lượt theo thứ tự 100, 200, 402, 405, 406.
- Điểm ưu tiên của thí sinh có điểm tổ hợp từ 22,5 được tính theo công thức Điểm ưu tiên =  $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,50] \times \text{Mức điểm ưu tiên theo Quy chế đào tạo của Bộ GD\&ĐT}$ , và tổng điểm xét tuyển không quá 30.
- Trường không áp dụng điểm chênh lệch giữa các tổ hợp xét tuyển trong cùng một chương trình đào tạo.

## 6. Tổ chức tuyển sinh

**6.1. Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong phạm vi cả nước

**6.2. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm**

Đợt 1: Từ tháng 06/2026 đến tháng 08/2026

Đợt 2: Từ tháng 09/2026 đến tháng 12/2026 (Trường sẽ có thông báo cụ thể khi tổ chức đợt xét bổ sung)

Ngoài các đợt xét tuyển trên tùy theo tình hình hồ sơ thực tế Trường có thể tổ chức các đợt xét tuyển khác trong năm. Chi tiết xem thông báo trên website <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

- **Kế hoạch tuyển sinh cụ thể như sau (Dự kiến):**

✓ **Đợt 1 từ 15/06/2026 đến ngày 14/07/2026:**

Xét tuyển bằng học bạ, xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 thí sinh thực hiện các công việc sau:

- **Thí sinh đăng ký nguyện vọng, điều chỉnh nguyện vọng** xét tuyển trên Hệ thống cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn> (Thời gian đăng ký trên Cổng thông tin của Bộ từ 02/07/2026 – 17h00 ngày 14/07/2026).
- **Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển về Trường** (bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp)

✓ **Cu thể:**

- **Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước:**

Ngoài việc đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống cổng thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại địa chỉ: <http://thisinh.thithptquocgia.edu.vn>, thí sinh hồ sơ nộp trực tiếp về Trường từ 15/06/2026. Nếu thí sinh chưa có tài khoản đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trên hệ thống thì đăng ký tài khoản tại các điểm tiếp nhận theo quy định của Sở giáo dục và đào tạo nơi thí sinh thường trú (từ ngày 01/05/2026 đến 20/05/2026).

- **Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT trong năm 2026:**

Nộp hồ sơ xét tuyển sau khi thí sinh nhận được Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời. Chi tiết được thông báo trên website của Trường <http://hubt.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

### 6.3. Hồ sơ xét tuyển gồm:

- **Phiếu đăng ký xét tuyển** theo mẫu của Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội (tải trên website <http://hubt.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>).
- **CCCD** hoặc **Căn cước** (bản sao công chứng);
- **Học bạ THPT** (bản sao công chứng);
- Bản sao **công chứng** Bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT từ năm 2025 trở về trước) hoặc Bản sao **công chứng** Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2026);
- Giấy tờ xác nhận **đối tượng ưu tiên** trong tuyển sinh (công chứng nếu có).
- Bản sao **công chứng** Kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do Đại học Bách Khoa Hà Nội tổ chức (**TSA**) hoặc kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc Gia Hà Nội tổ chức (**HSA**) đối với hình thức xét tuyển điểm đánh giá tư duy, năng lực.
- **Chứng chỉ tiếng Anh** (bản công chứng). – Danh mục chứng chỉ được công nhận quy đổi xem tại <http://hubt.edu.vn> hoặc <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

### 6.4. Hình thức nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: gồm 2 bước:

- **Bước 1:** Khai thông tin đăng ký xét tuyển trực tuyến tại địa chỉ <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.
- **Bước 2:** Nộp hồ sơ bản giấy (như **quy định tại Mục 6.3**) trực tiếp tại Phòng Quản lý đào tạo (**Sảnh tầng 3 Nhà A, phòng A310A**).

Thời gian thu: Sáng từ **8h00** đến **11h00**; Chiều từ **13h30** đến **16h30**

hoặc gửi chuyển phát nhanh qua đường bưu điện tới trường theo địa chỉ nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển.

#### ❖ Địa chỉ nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

**Hội đồng tuyển sinh - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội,  
số 29A, Ngõ 124, Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội.  
SĐT: (024)3.633.9113.**

## 7. Chính sách ưu tiên

### 7.1. Xét tuyển thẳng:

Trường dành 5% chỉ tiêu từng chương trình đào tạo đối với thí sinh thuộc diện tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8. Đối tượng xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 Ban hành Quy chế tuyển sinh.

### 7.2. Ưu tiên xét tuyển:

Thực hiện theo quy chế hiện hành của BGD&ĐT theo quy định tại Thông tư 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 Ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

## 8. Lệ phí xét tuyển

- Lệ phí xét tuyển theo nguyện vọng đăng ký xét tuyển: theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Lệ phí nộp hồ sơ xét tuyển tại trường: **Trường không thu lệ phí.**

## 9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và của Trường.

## 10. Các nội dung khác

Học phí dự kiến với sinh viên chính quy: xem Phụ lục 02

## 11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

(\*) Thang điểm xét tuyển: 30 điểm

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTTS	Năm 2025(*)			Năm 2024(*)		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	7210403	Cử nhân Thiết kế đồ họa	7210403	Thiết kế đồ họa	100	100	5	17	40	45	19
					200		81	17	60	78	19
					405		-	-	-	-	-
					406		-	-	-	-	-
2	7340101	Cử nhân Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	100	960	14	17	360	210	22,5
					200		1056	17	600	808	24
					402		-	-	-	-	-
3	7340120	Cử nhân Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	100	400	5	17	150	205	21
					200		299	17	250	379	24
					402		-	-	-	-	-
4	7340201-1	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	185	4	17	75	57	21
					200		195	17	110	218	21,5
					402		-	-	-	-	-
5	7340201-2	Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính	7340201	Tài chính - Ngân hàng	100	185	7	17	75	156	21
					200		263	17	110	538	21,5
					402		-	-	-	-	-
6	7340301	Cử nhân Kế toán	7340301	Kế toán	100	470	7	17	170	283	21,5
					200		398	17	300	478	24,5
					402		-	-	-	-	-
7	7380107	Cử nhân Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	100	284	49	18	120	198	22,5
					200		379	18	180	173	24,5
					402		-	-	-	-	-
8	7480201	Kỹ sư Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	100	960	1	17	360	92	22
					200		708	17	600	845	23,5
					402		-	-	-	-	-

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTTS	Năm 2025 <sup>(*)</sup>			Năm 2024 <sup>(*)</sup>		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
9	7510203	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	100	170	1	17	50	129	23
					200		336	17	100	228	24
					402		-	-	-	-	-
10	7510205	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	100	301	8	17,5	150	93	21
					200		438	17,9	200	390	23,5
					402		-	-	-	-	-
11	7510301	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	100	150	4	17	50	148	23
					200		299	17	100	223	24
					402		-	-	-	-	-
12	7510406	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	100	30	-	-	20	3	19
					200		5	17	30	7	19
					402		-	-	-	-	-
13	7580101	Kiến trúc sư	7580101	Kiến trúc	100	50	1	17	20	2	19
					200		30	17	30	21	19
					405		-	-	-	-	-
					406		-	-	-	-	-
14	7580106	Cử nhân Quản lý đô thị và công trình	7580106	Quản lý đô thị và công trình	100	20	4	17	20	20	19
					200		48	17	30	44	19
					402		-	-	-	-	-
15	7580108	Cử nhân Thiết kế nội thất	7580108	Thiết kế nội thất	100	50	1	17	20	7	19
					200		18	17	30	19	19
					405		-	-	-	-	-
					406		-	-	-	-	-
16	7580201	Kỹ sư Kỹ thuật xây dựng	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	70	3	17	15	27	19
					200		66	17	25	73	19
					402		-	-	-	-	-
17	7720101	Bác sĩ Y khoa	7720101	Y khoa	100	144	6	20,5	100	56	22,5
					200		156	24	40	79	24,5
18	7720201	Dược sĩ	7720201	Dược học	100	180	-	-	100	38	21
					200		40	24	80	39	24
19	7720301	Cử nhân Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	100	64	-	-	30	9	19
					200		78	19,5	30	35	19,5
20	7720501	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	7720501	Răng - Hàm - Mặt	100	60	11	20,5	35	28	24
					200		131	24	25	73	25,5

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Mã PTTS	Năm 2025 <sup>(*)</sup>			Năm 2024 <sup>(*)</sup>		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
21	7220201	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	320	17	17	120	118	19
					200		348	17	200	373	20
					402		-	-	-	-	-
22	7220202	Cử nhân Ngôn ngữ Nga	7220202	Ngôn ngữ Nga	100	50	2	17	20	3	19
					200		17	17	30	19	19
					402		-	-	-	-	-
23	7220204	Cử nhân Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	899	287	21	350	632	24
					200		1291	22,7	600	800	24,5
					402		-	-	-	-	-
24	7310101	Cử nhân Kinh tế	7310101	Kinh tế	100	200	1	17	80	71	21
					200		265	17	120	389	23
					402		-	-	-	-	-
25	7310205	Cử nhân Quản lý nhà nước	7310205	Quản lý nhà nước	100	40	20	17	15	53	19
					200		96	17	25	96	19
					402		-	-	-	-	-
26	7810103	Cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	100	238	114	21,5	100	216	22,5
					200		369	23,1	150	208	24,5
					402		-	-	-	-	-
27	7850101	Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	100	50	1	17	20	9	19
					200		26	17	30	40	19
					402		-	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>						<b>6630</b>	<b>8009</b>		<b>6750</b>	<b>9581</b>	

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PGS., TS. Phạm Dương Châu

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 01: DANH MỤC TỔ HỢP MÔN TUYỂN SINH

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Ngành xét tuyển
1.	A00	Toán, Vật lí, Hóa học	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Dược học; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế; Kế toán; Kỹ thuật xây dựng; Luật kinh tế; Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đô thị và công trình; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh; Răng - Hàm - Mặt; Tài chính - Ngân hàng; Y khoa; Điều dưỡng
2.	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Dược học; Kinh tế; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng; Điều dưỡng; Răng - Hàm - Mặt
3.	A02	Toán, Vật lí, Sinh học	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Dược học; Răng - Hàm - Mặt; Y khoa; Điều dưỡng
4.	A04	Toán, Vật lí, Địa lí	Kỹ thuật xây dựng
5.	A06	Toán, Hóa học, Địa lí	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường
6.	A07	Toán, Lịch sử, Địa lí	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
7.	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Dược học; Quản lý tài nguyên và môi trường; Răng - Hàm - Mặt; Y khoa; Điều dưỡng
8.	B01	Toán, Sinh học, Lịch sử	Y khoa; Răng - Hàm - Mặt
9.	B03	Toán, Sinh học, Ngữ văn	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Y khoa; Răng - Hàm - Mặt
10.	B04	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Răng - Hàm - Mặt
11.	B08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Kỹ thuật xây dựng
12.	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	Luật kinh tế; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Quản lý nhà nước; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
13.	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lí	Kế toán
14.	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	Công nghệ kỹ thuật môi trường
15.	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử	Kế toán; Luật kinh tế; Tài chính - Ngân hàng
16.	C04	Ngữ văn, Toán, Địa lí	Kinh doanh quốc tế; Quản lý nhà nước; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị kinh doanh

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Ngành xét tuyển
17.	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế; Kế toán; Luật kinh tế; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Quản lý nhà nước; Quản lý đô thị và công trình; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng
18.	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	Dược học; Quản lý tài nguyên và môi trường; Điều dưỡng; Y khoa; Răng - Hàm - Mặt
19.	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	Răng - Hàm - Mặt; Y khoa
20.	D09	Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế; Kế toán; Luật kinh tế; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Quản trị kinh doanh
21.	D10	Toán, Địa lí, Tiếng Anh	Công nghệ thông tin; Kinh doanh quốc tế; Kế toán; Luật kinh tế; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng
22.	D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh	Quản lý tài nguyên và môi trường
23.	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc
24.	D15	Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc
25.	H00	Ngữ văn, Bố cục màu, Hình họa	Kiến trúc
26.	H01	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa
27.	H06	Ngữ văn, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật	Kiến trúc; Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa
28.	H08	Ngữ văn, Lịch sử, Vẽ mỹ thuật	Thiết kế nội thất; Thiết kế đồ họa
29.	V00	Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật	Kiến trúc
30.	V01	Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật	Kiến trúc
31.	V02	Toán, Tiếng Anh, Vẽ mỹ thuật	Kiến trúc
32.	V06	Toán, Địa lí, Vẽ mỹ thuật	Kiến trúc
33.	X01	Toán, Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Kỹ thuật xây dựng; Luật kinh tế; Quản lý tài nguyên và môi trường; Tài chính - Ngân hàng
34.	X02	Toán, Ngữ văn, Tin học	Công nghệ thông tin
35.	X05	Toán, Vật lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Kinh tế; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý nhà nước; Quản lý đô thị và công trình; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

STT	Mã tổ hợp môn	Tên tổ hợp môn	Ngành xét tuyển
36.	X06	Toán, Vật lí, Tin học	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ thông tin; Dược học; Kinh tế; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Điều dưỡng
37.	X07	Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
38.	X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Dược học; Điều dưỡng
39.	X10	Toán, Hóa học, Tin học	Dược học; Điều dưỡng
40.	X11	Toán, Hóa học, Công nghệ công nghiệp	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kinh tế; Kỹ thuật xây dựng
41.	X13	Toán, Sinh học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Dược học; Quản lý tài nguyên và môi trường; Y khoa; Điều dưỡng
42.	X17	Toán, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Kinh tế; Kế toán; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng
43.	X21	Toán, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Kinh doanh quốc tế; Kinh tế; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý nhà nước; Quản lý đô thị và công trình; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
44.	X25	Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	Kinh doanh quốc tế; Kế toán; Luật kinh tế; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Quản trị kinh doanh; Tài chính - Ngân hàng
45.	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh	Công nghệ thông tin
46.	X62	Ngữ văn, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Quản lý nhà nước; Quản lý tài nguyên và môi trường
47.	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Quản lý nhà nước
48.	X74	Ngữ văn, Địa lí, Giáo dục Kinh tế và pháp luật	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
49.	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Quản lý nhà nước; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
50.	402	KQ Đánh giá NL & ĐG TD	Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Nga; Ngôn ngữ Trung Quốc; Kinh tế; Quản lý nhà nước; Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Luật kinh tế; Công nghệ thông tin; Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử; Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật xây dựng; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản lý tài nguyên và môi trường

## PHỤ LỤC 02: HỌC PHÍ

Tham khảo mức học phí đang áp dụng cho Khóa 30 – năm 2025

TT	Ngành học	Học phí 1 tín chỉ chung (VNĐ)	Học phí 1 học kỳ <sup>(*)</sup> (VNĐ)	Số học kỳ
<b>Lĩnh vực 1: Nghệ thuật</b>				
1	Thiết kế đồ họa	350.000	6.740.000	8
<b>Lĩnh vực 2: Kinh doanh và Quản lý</b>				
2	Quản trị kinh doanh	350.000	6.390.000	8
3	Kinh doanh quốc tế	350.000	6.390.000	8
4	Tài chính - Ngân hàng	350.000	6.390.000	8
5	Kế toán	350.000	6.390.000	8
<b>Lĩnh vực 3: Pháp luật</b>				
6	Luật kinh tế	350.000	6.390.000	8
<b>Lĩnh vực 4: Máy tính và công nghệ thông tin</b>				
7	Công nghệ thông tin	420.000	8.610.000	8
<b>Lĩnh vực 5: Công nghệ kỹ thuật</b>				
8	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	420.000	8.670.000	8
9	Công nghệ kỹ thuật ô tô	420.000	8.610.000	8
10	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	420.000	8.610.000	8
11	Công nghệ kỹ thuật môi trường	420.000	8.610.000	8
<b>Lĩnh vực 6: Kiến trúc và xây dựng</b>				
12	Kiến trúc	420.000	8.610.000	8
13	Quản lý đô thị và công trình	350.000	6.390.000	8
14	Thiết kế nội thất	350.000	6.740.000	8
15	Kỹ thuật xây dựng	420.000	8.610.000	8
<b>Lĩnh vực 7: Sức khỏe</b>				
16	Y khoa	1.610.000	33.140.000	12
17	Dược học	680.000	13.330.000	10
18	Điều dưỡng	680.000	13.770.000	8
19	Răng - Hàm - Mặt	1.950.000	41.600.000	12
<b>Lĩnh vực 8: Nhân văn</b>				
20	Ngôn ngữ Anh	350.000	6.740.000	8
21	Ngôn ngữ Nga	350.000	6.740.000	8
22	Ngôn ngữ Trung Quốc	350.000	6.740.000	8
<b>Lĩnh vực 9: Khoa học xã hội và hành vi</b>				
23	Kinh tế	350.000	6.390.000	8
24	Quản lý nhà nước	350.000	6.390.000	8
<b>Lĩnh vực 10: Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân</b>				
25	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	350.000	6.390.000	8
<b>Lĩnh vực 11: Môi trường và bảo vệ môi trường</b>				
26	Quản lý tài nguyên và môi trường	420.000	8.610.000	8

<sup>(\*)</sup> Học phí 1 học kỳ = (Đơn giá 1 tín chỉ x  $\sum$ số tín chỉ) / số học kỳ

# GIỚI THIỆU

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIÊN TIẾN

### 1. Các ngành đào tạo theo Chương trình đào tạo tiên tiến:

- Quản trị kinh doanh - chuyên ngành **Khởi nghiệp** (Business Administration)
- Kinh doanh Quốc tế - chuyên ngành **Marketing** (Marketing)
- Tài chính - Ngân hàng - chuyên ngành **Tài chính** (Finance)  
- chuyên ngành **Ngân hàng** (Banking)
- Kinh tế - chuyên ngành **Kinh tế quốc tế** (International Economics)
- Luật Kinh tế - chuyên ngành **Luật Kinh tế** (Economic Law)
- Kế toán - chuyên ngành **Kế toán** (Accounting)

### 2. Lợi ích khi tham gia chương trình đào tạo tiên tiến:

- ✓ Chương trình thiết kế theo chuẩn quốc tế, định hướng sinh viên ra trường tiếp cận được ngay môi trường làm việc hiện đại tại các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài, các tổ chức quốc tế, ...
- ✓ Đội ngũ giảng viên được lựa chọn có trình độ chuyên môn cao, giỏi ngoại ngữ và kinh nghiệm thực tiễn.
- ✓ Môi trường học tập, trang thiết bị hiện đại; giảng dạy kết hợp Tiếng Việt, Tiếng Anh, song ngữ; thời lượng thực hành thực tế nhiều.
- ✓ Thời gian đào tạo dự kiến hoàn thành trong 3 năm với 125 tín chỉ giúp sinh viên sớm đi làm hoặc tiếp tục học sau đại học, giảm chi phí sinh hoạt 1 năm so với chương trình chuẩn.
- ✓ Sinh viên tốt nghiệp các ngành theo chương trình đào tạo tiên tiến được xem xét miễn giảm một số điều kiện đầu vào để tiếp nhận học tiếp lên trình độ Thạc sĩ do HUBT đào tạo.
- ✓ Phát triển kỹ năng và trình độ tiếng Anh, các kỹ năng mềm, tư duy làm việc nhóm. Kết thúc chương trình đào tạo, sinh viên đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia hoặc tương đương IELTS 5.5 hoặc TOEIC 650, có cơ hội được Trường tổ chức thi cấp chứng chỉ.
- ✓ Sinh viên được giới thiệu cơ hội việc làm thông qua hệ thống doanh nghiệp liên kết với HUBT, đảm bảo 90 - 95% sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo tiên tiến có việc làm.

### 3. Điều kiện để đăng ký học:

✓ Sinh viên đăng ký nguyện vọng vào Trường Đại học kinh doanh và Công nghệ Hà Nội qua cổng đăng ký nguyện vọng của Bộ GD&ĐT; đăng ký hồ sơ xét tuyển trên cổng tiếp nhận hồ sơ xét tuyển khóa 31 năm 2026 và kê khai thêm năng lực, chứng chỉ tiếng Anh, chọn học theo chương trình đào tạo tiên tiến (<https://hosotuyensinh.kdcn.edu.vn>) hoặc nộp đơn đăng ký trực tiếp về Trường theo thông tin:

**Địa chỉ nhận Hồ sơ đăng ký xét tuyển:**

**Hội đồng tuyển sinh - Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội,  
số 29A, Ngõ 124, Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội.**

**SĐT: (024)3.633.9113.**

✓ Sinh viên Khóa 31 năm 2026 các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kinh tế, Luật kinh tế, Kinh doanh quốc tế, Tài chính – Ngân hàng có nhu cầu, có đơn đăng ký tham gia, tự kê khai năng lực tiếng Anh và làm đơn (theo mẫu) đăng ký học chương trình đào tạo tiên tiến.

✓ Sinh viên được kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào nhằm phân loại trình độ để Trường có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tiếng Anh cho sinh viên.

✓ Chương trình đào tạo tiên tiến đòi hỏi sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, áp lực cao, thời gian tự học/tự nghiên cứu nhiều, năng động và hòa đồng trong môi trường học tập nhóm.

### 4. Mức học phí

Học phí và các khoản phí: Dự kiến mức học phí hấp dẫn, không chênh lệch nhiều so với các chương trình đào tạo tiêu chuẩn (*Trường có thông báo cụ thể sau*).

### 5. Thời hạn đăng ký:

Thí sinh theo dõi thông tin trên trang tuyển sinh của HUBT tại: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>.

# Giới Thiệu

## Các ngành Tuyển sinh

# ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Thiết kế đồ họa
2. Quản trị Kinh doanh
3. Kinh doanh quốc tế
4. Tài chính - Ngân hàng  
(Chuyên ngành Ngân hàng)
5. Tài chính - Ngân hàng  
(Chuyên ngành Tài chính)
6. Kế toán
7. Luật Kinh tế
8. Công nghệ thông tin
9. Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử
10. Công nghệ kỹ thuật ô tô
11. Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử
12. Công nghệ kỹ thuật môi trường
13. Kiến trúc
14. Quản lý Đô thị và Công trình
15. Thiết kế Nội thất
16. Kỹ thuật Xây dựng
17. Y khoa
18. Dược học
19. Điều dưỡng
20. Răng Hàm Mặt
21. Ngôn ngữ Anh
22. Ngôn ngữ Nga
23. Ngôn ngữ Trung Quốc
24. Kinh tế
25. Quản lý nhà nước
26. Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành
27. Quản lý tài nguyên và môi trường

Ngành

# THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

**Mã xét tuyển: 7210403**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 145 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

**Chương trình đào tạo  
chi tiết**


## Chuyên môn được đào tạo

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, các phần mềm thiết kế đồ họa căn bản và thông dụng
- Có kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong thiết kế.
- Có kỹ năng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo trong việc lên ý tưởng và thực hiện các đồ án thiết kế ấn phẩm quảng cáo thương mại và văn hóa.
- Có kỹ năng tư duy, phát triển, thể hiện ý tưởng thiết kế bằng ngôn ngữ đồ họa.
- Có kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành thiết kế đồ họa.



- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng và đồ án thiết kế trước khách hàng, đối tác.
- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành thiết kế công nghiệp trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin.
- Có kỹ năng ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra của trường.
- Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của công nghệ thông tin để trao đổi, học tập và nghiên cứu về lĩnh vực thiết kế đồ họa.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các sở sản xuất sản phẩm đồ họa.
- Làm việc ở các cơ quan quản lý, tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước có liên quan đến ngành thiết kế sản phẩm mỹ thuật ứng dụng và văn hóa.
- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng
- Giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực chuyên môn.
- Có khả năng khởi nghiệp trong lĩnh vực mỹ thuật.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về Mỹ thuật ứng dụng trong và ngoài nước.
- Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các trường trong và ngoài nước.

Ngành

# QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành | Quản trị doanh nghiệp  
Quản trị nhân sự  
Khởi nghiệp

Mã xét tuyển: 7340101

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

**Quản trị doanh nghiệp:** cung cấp các kiến thức, kỹ năng về quản trị công nghệ, quản trị tác nghiệp, chất lượng sản phẩm ứng dụng vào quản lý, điều hành doanh nghiệp.

**Quản trị nhân sự:** cung cấp các kiến thức, kỹ năng về tổ chức và định mức lao động, quản trị nhân lực, lập kế hoạch, điều phối nhân lực, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động doanh nghiệp.

**Khởi nghiệp:** cung cấp kiến thức về lập dự án khởi nghiệp, quản trị doanh nghiệp, marketing khởi nghiệp giúp người học dễ dàng xây dựng và thực hiện ý tưởng Startup của mình.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Chuyên viên quản trị, vận hành hoạt động kinh doanh
- Chuyên viên điều phối, lập kế hoạch, vận hành tổ chức và DN
- Quản trị viên cấp cao: giám đốc doanh nghiệp, giám đốc hoặc trưởng các bộ phận sản xuất, kinh doanh, nhân sự
- Chủ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
- Chuyên gia nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn về quản trị kinh doanh



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ trình độ học bậc Cao học, Nghiên cứu sinh chuyên ngành Quản trị kinh doanh và các ngành liên quan tại các trường trong và ngoài nước.
- Tham gia các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề về kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Ngành

# KINH DOANH QUỐC TẾ

Chuyên ngành

Kinh doanh quốc tế  
Logistics và quản lý chuỗi cung ứng  
Marketing  
Thương mại điện tử

Mã xét tuyển: 7340120

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Đặc điểm kinh tế, thương mại mang tính toàn cầu tác động đến các hoạt động doanh nghiệp như: Chính trị, kinh tế, công nghệ, nhân khẩu học, địa lý và văn hóa.
- Hệ thống tài chính, thị trường ngoại hối, tỷ giá hối đoái trên toàn thế giới. Hiểu rõ về quản trị vận hành từ việc lập kế hoạch, thiết kế cho đến thực hiện các nghiệp vụ của chuỗi cung ứng toàn cầu, quy trình sản xuất và quản trị dự án.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh toàn cầu để có thể đảm bảo sự thành công của doanh nghiệp khi hoạt động trong môi trường đa văn hóa.
- Kiến thức nền tảng về thương mại quốc tế như các vấn đề tổng quan và chuyên sâu, những chính sách liên quan đến vấn đề chống bán phá giá, sự tranh chấp trong thương mại quốc tế và những vấn đề về hội nhập kinh tế, đầu tư quốc tế tại Việt Nam.
- Quản trị Logistics, xuất nhập khẩu hàng hóa.
- Những nguyên tắc về thị trường thế giới.
- Phân tích chiến thuật và hoạch định chiến lược đầu tư quốc tế, kinh doanh quốc tế và phát triển kinh tế.
- Thương mại điện tử
- Marketing quốc tế
- Thanh toán quốc tế

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Chuyên viên đối ngoại
- Chuyên viên xuất nhập khẩu
- Chuyên viên xúc tiến thương mại
- Chuyên viên hoạch định tài chính quốc tế
- Chuyên viên tư vấn đầu tư quốc tế
- Chuyên viên tại các Viện nghiên cứu;
- Tự thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tiếp tục học các chương trình sau đại học;
- Tham dự các khóa đào tạo, hội thảo chuyên đề kinh doanh quốc tế trong và ngoài nước để cập nhật kiến thức, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn.

# Ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Chuyên ngành: Ngân hàng

Mã xét tuyển: 7340201-1

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- **Chuyên sâu NGÂN HÀNG** cung cấp kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động bao gồm: Quản lý Nhà nước về tiền tệ - ngân hàng; kinh doanh tiền tệ - tín dụng; dịch vụ thanh toán - kế toán; marketing; kiểm soát nội bộ; quản trị và các dịch vụ tài chính - tiền tệ khác để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngân hàng - tài chính - kế toán.
  - **Chuyên sâu NGÂN HÀNG SỐ** cung cấp các kiến thức chuyên sâu về ngành ngân hàng, ngân hàng số, kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động bao gồm: Ngân hàng số và công nghệ tài chính; phân tích dữ liệu trong tài chính - ngân hàng; kho dữ liệu và kinh doanh thông minh trong lĩnh vực tiền tệ - tín dụng; dịch vụ thanh toán - kế toán; marketing; kiểm soát nội bộ; quản trị và các dịch vụ tài chính - tiền tệ khác.
  - **Chuyên sâu NGÂN HÀNG VÀ TÀI CHÍNH QUỐC TẾ** cung cấp kiến thức chuyên sâu về ngành ngân hàng, kiến thức về quản lý và điều hành hoạt động bao gồm: Thuế quốc tế; thanh toán quốc tế; tài trợ thương mại quốc tế; đầu tư quốc tế; kinh doanh tiền tệ - tín dụng; dịch vụ thanh toán - kế toán; kiểm soát nội bộ; quản trị ngân hàng;... để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực ngân hàng và tài chính quốc tế.
- Cả 3 chuyên sâu của chuyên ngành Ngân hàng đều có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán; có khả năng thích nghi trong môi trường làm việc quốc tế; thể hiện đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân toàn cầu, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.
- Khoa Ngân hàng thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, sinh hoạt khoa học và tổ chức đi thực tế tại các NHTM, các Công ty chứng khoán, Công ty tài chính,... tạo điều kiện cho sinh viên được tiếp cận, tìm hiểu, cọ sát với thực tiễn.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

Làm việc tại các tổ chức tín dụng (TCTD) là Ngân hàng và TCTD phi ngân hàng, bao gồm: các Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Chính sách, Ngân hàng Hợp tác xã, Công ty tài chính, Công ty bảo hiểm, Công ty chứng khoán, các Công ty đa quốc gia, Viện nghiên cứu, các Trường Đại học với các vị trí có thể đảm nhiệm: Chuyên viên quản lý tín dụng; Kế toán viên, kiểm toán; Chuyên viên phân tích và đầu tư tài chính, chứng khoán; Chuyên viên quản lý rủi ro; Chuyên viên thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại quốc tế; Chuyên viên quan hệ định chế tài chính, quan hệ khách hàng doanh nghiệp FDI; Chuyên viên quản lý đầu tư/dự án đầu tư quốc tế; Chuyên viên chiến lược, phân tích, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước; Chuyên viên bộ phận công nghệ thông tin, phân tích dữ liệu; Nghiên cứu viên, giảng viên về lĩnh vực ngân hàng - tài chính - kế toán.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Khả năng tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về nghiệp vụ ngân hàng trong và ngoài nước.
- Tham gia học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Tham gia học bậc Sau Đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại các trường trong và ngoài nước.



# Ngành TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Chuyên ngành: Tài chính

Mã xét tuyển: 7340201-2

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- Kiến thức tổng hợp, phân tích dữ liệu thông tin tài chính vĩ mô, vi mô phục vụ nhu cầu công việc.
- Kiến thức cơ bản về tài chính, ngân hàng, kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, tài chính công, thuế, bảo hiểm, chứng khoán, thẩm định tài chính của dự án, định giá tài sản, phân tích tài chính doanh nghiệp, thẩm định tài chính của dự án, định giá tài sản, kiến thức về thị trường chứng khoán, ngân hàng thương mại.
- Có kỹ năng thực hiện nghiệp vụ về tài chính như: dự toán và kiểm soát thu, chi ngân sách Nhà nước; lập, đọc và phân tích các báo cáo tài chính; kê khai và quyết toán thuế. Có kỹ năng lập dự toán ngân sách Nhà nước, lập kế hoạch đầu tư công, tài chính doanh nghiệp, kỹ năng tư vấn và đầu tư chứng khoán.
- Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác; chuyển tải, phổ biến kiến thức; kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.
- Kỹ năng tin học: Đạt trình độ tin học theo chuẩn đầu ra của trường.
- Trình độ ngoại ngữ: Trình độ tiếng anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc cho Việt Nam.
- Khoa Tài chính thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo, sinh hoạt khoa học, giao lưu với các tổ chức tài chính - ngân hàng, các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên ngành tài chính - ngân hàng được tiếp cận, tìm hiểu, cọ sát với thực tiễn.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Đảm nhiệm công tác tài chính, kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ thuộc mọi thành phần kinh tế; các công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư tài chính, ngân hàng thương mại.
- Chuyên viên tư vấn và phân tích tài chính, chuyên viên thẩm định tín dụng ngân hàng, chuyên viên định giá tài sản/định giá doanh nghiệp, chuyên viên tư vấn đầu tư chứng khoán, chuyên viên tư vấn thuế, kinh doanh bảo hiểm, chuyên viên tư vấn và thẩm định tài chính dự án đầu tư.
- Làm cán bộ tài chính - kế toán trong các cơ quan Nhà nước thuộc các bộ, ngành ở Trung ương và địa phương bao gồm: Bộ Tài chính và sở tài chính các tỉnh, thành phố; hệ thống thuế, kho bạc Nhà nước, hải quan, hệ thống NHTM, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, bảo vệ sức khỏe, văn hóa, thể thao, du lịch...

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ
- Năng lực tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ sau đại học



Ngành

# KẾ TOÁN

**Mã xét tuyển: 7340301**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- Có khả năng thực hiện các công việc kế toán, kiểm toán. Có năng lực tổ chức triển khai thực hiện và vận dụng các quy định của Nhà nước vào việc cụ thể.
- Lập, soát xét và phân tích Báo cáo tài chính, Báo cáo kế toán quản trị, cung cấp và phân tích thông tin tài chính phục vụ các quyết định kinh doanh, quản lý. Tổ chức lập, kiểm tra các báo cáo thuế & quyết toán thuế.
- Thực hiện các nghiệp vụ tài chính, tư vấn đầu tư & quản trị kinh doanh.
- Thẩm định các dự án đầu tư, các quyết định kinh doanh, quyết định quản lý.
- Cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế cho khách hàng có yêu cầu.
- Có kỹ năng soạn thảo văn bản, hợp đồng, đàm phán, giao tiếp.
- Có khả năng phát hiện, xét đoán và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh tế - tài chính.
- Có kỹ năng ứng dụng công nghệ số và các thành tựu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 vào công tác kế toán, kiểm toán.
- Sử dụng thành thạo một số phần mềm kế toán thông dụng, phổ biến.
- Có kỹ năng trình bày, thuyết trình và giao tiếp.
- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Đảm nhận vị trí kế toán tổng hợp, kế toán trưởng đơn vị.
- Giám đốc tài chính, kế toán viên chuyên nghiệp...
- Chuyên gia phân tích, tư vấn tài chính, tư vấn thuế.
- Tham gia nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về kinh tế, kế toán, kiểm toán.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ để học tiếp bậc Sau Đại học, nghiên cứu sinh ngành kế toán - kiểm toán ở trong nước hoặc nước ngoài.
- Tham gia dự thi lấy chứng chỉ nghề nghiệp ở Việt Nam hoặc quốc tế về kế toán, kiểm toán hoặc chuyên gia tư vấn, phân tích tài chính.



Ngành

# LUẬT KINH TẾ

Mã xét tuyển: 7380107

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Đào tạo cử nhân ngành Luật Kinh tế định hướng ứng dụng có kiến thức toàn diện về pháp luật nói chung, về Luật Kinh tế nói riêng; có kỹ năng tư duy, phản biện, thuyết trình, ứng dụng các công cụ hiện đại trong hoạt động pháp lý; có năng lực tự chủ thực hiện các công việc chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp đa dạng một cách linh hoạt, sáng tạo.
- Có kiến thức để vận dụng các nguyên lý khoa học pháp lý, quy luật tự nhiên và xã hội, kỹ năng thực hành nghề nghiệp để giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Luật Kinh tế đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội, thích nghi với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, thư ký tòa án, công chứng viên, chấp hành viên, thừa phát lại, trọng tài viên, quản tài viên, hòa giải viên thương mại.
- Chuyên viên pháp chế doanh nghiệp, chuyên viên quản lý nhân sự tại các tổ chức kinh tế,
- Chuyên gia tư vấn pháp luật, tư vấn hợp đồng, tư vấn đầu tư, ...
- Công chức, viên chức pháp chế, thanh tra viên pháp luật, cán bộ tư pháp - hộ tịch, chuyên viên pháp lý bộ/ngành, quản lý lĩnh vực đất đai, đầu tư, đấu thầu.
- Giảng viên luật tại trường đại học, cao đẳng; nghiên cứu viên viện luật - kinh tế, ...
- Biên tập viên pháp luật tại nhà xuất bản và tạp chí chuyên ngành.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đáp ứng đủ điều kiện tham gia các chương trình đào tạo sau đại học để đạt được học vị Thạc sĩ Luật, Tiến sĩ Luật.
- Tiếp tục học tập tại Học viện Tư pháp tại các khóa đào tạo nghiệp vụ thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên, đấu giá viên và các chức danh tư pháp khác;...

# Ngành CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

**Mã xét tuyển: 7480201**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 155 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Công nghệ thông tin**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- Biết vận dụng tư duy thiết kế tổng hợp từ các kiến thức cơ bản, cơ sở chuyên ngành và chuyên ngành hẹp vào các hoạt động chuyên môn ngành CNTT.
- Có khả năng độc lập nghiên cứu, truyền đạt các ứng dụng Công nghệ thông tin.
- Có năng lực khảo sát thiết kế xây dựng hệ thống thông tin, thiết kế triển khai các hệ thống mạng máy tính và các hệ thống nhúng.
- Có khả năng tìm hiểu, vận dụng, khai thác và chuyển giao các sản phẩm phần mềm.
- Có khả năng quản lý dự án Công nghệ thông tin, quản lý thời gian và điều hành công việc hiệu quả.

- Có các ý tưởng khởi nghiệp dựa trên tư tưởng của cuộc cách mạng 4.0 (Trí tuệ nhân tạo, Thực tế ảo, Blockchain, Internet vạn vật).
- Có kỹ năng làm việc theo nhóm: Có khả năng tham gia tích cực, có hiệu quả, đúng chức năng trong các nhóm dự án triển khai về Công nghệ thông tin, năng động sáng tạo trong công việc.
- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, viết và trình bày các báo cáo sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm việc ở bộ phận Công nghệ thông tin hoặc ứng dụng CNTT của các đơn vị có nhu cầu. Đặc biệt đối với các hệ thống ngân hàng, tài chính, thương mại.
- Tự khởi nghiệp, điều hành nhân lực để xây dựng phần mềm cung cấp cho các kho dữ liệu của các thiết bị.
- Tự làm việc độc lập thông qua mạng toàn cầu và các hệ thống mở.
- Giảng dạy Công nghệ thông tin tại các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và các trường phổ thông (cần thêm chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm).

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có đủ năng lực để tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp.
- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn & dài hạn để nâng cao cập nhật kiến thức.
- Đủ trình độ học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành CNTT tại các trường trong & ngoài nước



Ngành

# CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ - ĐIỆN TỬ

Mã xét tuyển: 7510203

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 155 Tín chỉ  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Cơ - Điện tử**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, các phần mềm thiết kế cơ khí và cơ điện tử như Autocad, các phần mềm 3D, Maple, Matlab và Simulink.
- Có kỹ năng tư duy hệ thống.
- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng công nghệ và đồ án thiết kế trước khách hàng, đối tác.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức và thực hiện đồ án, dự án thiết kế có nhiều thành viên tham gia
- Có kỹ năng hoàn thành công việc công nghệ đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành cơ điện tử.

- Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.
- Có thể viết được báo cáo có nội dung trình bày ý kiến liên quan công việc chuyên môn của ngành cơ điện tử & lĩnh vực cơ khí, tin học ứng dụng.
- Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của CNTT để trao đổi, học tập và nghiên cứu về lĩnh vực cơ điện tử.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Kỹ sư thiết kế: Thiết kế, lập trình, tổ chức vận hành phần cứng và phần mềm tự động, bán tự động, thiết kế dây chuyền máy móc, trang thiết bị nhà xưởng, chuyển giao công nghệ.
- Kỹ sư Công nghệ: Làm việc tại các trung tâm điều khiển, trung tâm công nghệ dây chuyền tự động hóa tại các nhà máy sản xuất.
- Quản lý sản xuất: Phụ trách vận hành, bảo trì và duy tu hệ thống dây chuyền, máy móc tại nhà máy.
- Chuyên viên nghiên cứu và phát triển: Nghiên cứu và phát triển công nghệ, máy móc, chuyển giao công nghệ tại viện nghiên cứu.
- Có thể làm việc trong các lĩnh vực liên quan đến cơ khí, điện tử, Công nghệ thông tin, tự động hóa như điều hành và tổ chức quản lý hoạt động sản xuất, xây dựng quy trình sản xuất, vận hành và điều hành các thiết bị công nghệ tự động.
- Có khả năng giảng dạy tại các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực Cơ điện tử, Cơ khí.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn & dài hạn để nâng cao cập nhật kiến thức.
- Đủ trình độ học sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành cơ điện tử tại các trường trong & ngoài nước.



Ngành

# CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT Ô TÔ

Mã xét tuyển: 7510205

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 155 Tín chỉ  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Ô tô**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Tính toán thiết kế, kiểm tra khả năng làm việc các cụm chi tiết cơ khí của ô tô.
- Kiến thức về điện, điện tử để tính toán các mạch điện trong hệ thống điều khiển điện tử trên ô tô.
- Nắm vững quy trình tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra đăng kiểm các hệ thống của ô tô.
- Sử dụng thành thạo các công cụ và trang thiết bị chuyên dụng hiện đại trong chẩn đoán, sửa chữa, bảo dưỡng, lắp ráp các cụm và tổng thành ô tô.
- Sử dụng thành thạo các phần mềm máy tính để lập trình tính toán, thiết kế các cụm chi tiết, hệ thống của ô tô.
- Khả năng đọc dịch các tài liệu chuyên ngành về tính toán, vận hành sửa chữa ô tô bằng tiếng Anh
- Kỹ năng giải quyết các vấn đề về công nghiệp ô tô trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và toàn cầu; Kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, đa quốc gia.
- Kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết trong các tình huống giao tiếp xã hội, đàm phán với đối tác, khách hàng của doanh nghiệp. Có khả năng kiểm tra, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật ô tô.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Kỹ thuật viên vận hành dây chuyền sản xuất lắp ráp và sửa chữa ô tô của các doanh nghiệp ô tô trong nước cũng như của nước ngoài.
- Kiểm định các phương tiện cơ giới tại các trung tâm đăng kiểm
- Làm việc trong các cơ sở quản lý, dịch vụ và thương mại ô tô.
- Tự thành lập, quản lý cơ sở dịch vụ sửa chữa, thương mại, phụ tùng ô tô.
- Giảng dạy tại các trường cao đẳng, trung học, dạy nghề về Công nghệ kỹ thuật ô tô.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô trong và ngoài nước.
- Đăng ký học để nhận văn bằng đại học thứ hai về các ngành thuộc khối kỹ thuật công nghệ.
- Đăng ký học Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Ngành

# CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

Mã xét tuyển: 7510301

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 155 Tín chỉ  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Điện - Điện tử**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Biết vận dụng tư duy thiết kế tổng hợp từ các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành vào các hoạt động chuyên môn về kỹ thuật điện, kỹ thuật điện tử và kỹ thuật tự động hóa.
- Có khả năng độc lập nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao nghiên cứu ứng dụng về CNKT điện – điện tử vào công nghiệp và dân dụng.
- Có khả năng thiết kế, tính chọn các trang, thiết bị điện cho một hệ thống trang bị điện và tự động hóa theo yêu cầu kỹ thuật và công nghệ cụ thể đề ra.
- Có năng lực khai thác đánh giá và vận hành các hệ thống trang bị điện và tự động hóa trong công nghiệp và dân dụng. Biết thiết kế, thay thế từng bộ phận khi cần thiết.
- Có ý tưởng phấn đấu trở thành các công trình sư, tổng công trình sư và kỹ sư công nghiệp.
- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, viết và trình bày các báo cáo sử dụng hiệu quả các công cụ và phương pháp hiện đại.
- Có khả năng quản lý dự án về ngành điện – điện tử, quản lý thời gian và điều hành công việc hiệu quả.
- Biết cách thích ứng với điều kiện và môi trường làm việc mới.
- Có khả năng làm việc độc lập và theo nhóm



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Có thể làm việc trong các khu công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp của nước ngoài cũng như ở trong nước có liên quan đến điện – điện tử.
- Có thể làm việc ở các cơ sở, trung tâm thương mại và dịch vụ về sản phẩm điện, điện tử, tự động hóa và cung cấp điện.
- Tự thân có thể thành lập nên các cơ sở và trung tâm này.
- Giảng dạy về công nghệ kỹ thuật điện – điện tử ở các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trường dạy nghề kỹ thuật.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về Điện – Điện tử, tự động hóa, cung cấp điện.
- Đủ trình độ tiếp tục học sau đại học: Thạc sĩ, Tiến sĩ chuyên ngành Điện – Điện tử trong nước & nước ngoài.

Ngành

# CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG

Mã xét tuyển: 7510406

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 155 Tín chỉ (không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Môi trường**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Kỹ sư công nghệ Kỹ thuật môi trường
- Các phương pháp quản lý và xử lý các loại chất thải như: Kỹ thuật xử lý nước thải, Quản lý và xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí và tiếng ồn.
- Kỹ thuật bảo vệ môi trường khi khai thác các loại tài nguyên như: tài nguyên đất, Công nghệ xử lý nước cấp, công nghệ khai thác tài nguyên khoáng sản, đặc tính và công nghệ khai thác tài nguyên đất hiếm.
- Có khả năng làm việc theo nhóm, năng động, làm việc quốc tế.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm cán bộ chuyên môn môi trường tất cả các loại doanh nghiệp: thép, thủy sản, thực phẩm, khách sạn, nhà hàng, du lịch, dược phẩm.
- Làm công tác thanh tra giám sát môi trường tại các phòng - Sở Tài nguyên và môi trường.
- Làm giáo viên môi trường cho các trường trung cấp, cao đẳng.
- Làm cảnh sát môi trường của Bộ công an.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có năng lực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn
- Có khả năng học cao học như Thạc sĩ, Tiến sĩ



Ngành

# KIẾN TRÚC

**Mã xét tuyển: 7580101**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4,5 năm / gồm: 155 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kiến trúc sư**

**Chương trình đào tạo  
chi tiết**


## Chuyên môn được đào tạo

- Có kỹ năng thực hành và vận dụng lý thuyết vào thực tiễn xây dựng
- Thành thạo trong phân tích tìm ý kiến trúc và sử dụng thành thạo các phương pháp diễn họa để thể hiện ý tưởng kiến trúc.
- Có kỹ năng thành thạo trong triển khai đồ án thiết kế kiến trúc công trình và kiến trúc nội ngoại thất.
- Sử dụng thành thạo phần mềm máy tính trong thiết kế kỹ thuật các đồ án kiến trúc thân thiện môi trường.



- Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch.
- Có kỹ năng thuyết trình, đàm phán.
- Có kỹ năng làm việc độc lập & theo nhóm.
- Có trình độ ngoại ngữ và tin học đảm bảo hoạt động và phát triển nghề nghiệp.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm việc tại các công ty tư vấn kiến trúc, xây dựng. Tham gia hoặc mở các văn phòng tư vấn thiết kế riêng.
- Làm việc tại các cơ quan quản lý, nghiên cứu, các cơ sở đào tạo về chuyên ngành hoặc liên quan đến chuyên ngành kiến trúc, quy hoạch và xây dựng đô thị.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ năng lực để tiếp tục học nâng cao trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch, quản lý đô thị.
- Đảm bảo điều kiện để có thể thi chứng chỉ năng lực hành nghề kiến trúc theo quy định của pháp luật.



Ngành

# QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH

Mã xét tuyển: 7580106

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 137 Tín chỉ  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Nắm vững kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý đô thị và công trình.
- Sử dụng thành thạo các phần mềm tổng hợp dữ liệu và phân tích quản lý.
- Có kỹ năng quản lý xây dựng, quản lý dự án, quản lý đô thị và quản lý tòa nhà.
- Kỹ năng giao tiếp.
- Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm.
- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.
- Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.
- Có khả năng giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong xã hội và chuyên môn. Trình độ tương đương B.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các cơ quan quản lý và doanh nghiệp về xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và quản lý đô thị.
- + Các ban quản lý dự án xây dựng, ban quản lý tòa nhà.
- + Các cơ quan nghiên cứu đào tạo về chuyên ngành hoặc liên quan đến chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình.
- + Sinh viên tốt nghiệp có thể chuyển tiếp học Thạc sĩ tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành quản lý đô thị công trình.
- Có cơ hội học tập, nâng cao trình độ như Thạc sĩ, Tiến sĩ tại các trường đại học, trung tâm, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.



Ngành

# THIẾT KẾ NỘI THẤT

Mã xét tuyển: 7580108

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 145 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, các phần mềm thiết kế đồ họa căn bản và thông dụng
- Có kỹ năng chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo AI trong thiết kế.
- Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt các phần mềm thiết kế nội thất căn bản và thông dụng như: Autocad, 3D Max.
- Có kỹ năng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo trong việc lên ý tưởng và thực hiện các đồ án thiết kế nội thất.
- Có kỹ năng tư duy, phát triển, thể hiện ý tưởng thiết kế bằng ngôn ngữ nội thất.
- Có kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành thiết kế nội thất.
- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng và đồ án thiết kế trước khách hàng, đối tác.
- Có kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức và thực hiện đồ án, dự án thiết kế có nhiều thành viên tham gia.
- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành thiết kế công nghiệp trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin
- Có kỹ năng ngoại ngữ đạt chuẩn đầu ra của trường.
- Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của công nghệ thông tin để trao đổi, học tập và nghiên cứu về lĩnh vực thiết kế nội thất.
- Có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành thiết kế nội thất và lĩnh vực mỹ thuật.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm các công việc kỹ thuật, quản lý chất lượng, tại các sở sản xuất sản phẩm nội thất.
- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên ngành MTUD ở các Viện nghiên cứu, các trung tâm và cơ quan nghiên cứu của các Bộ, ngành, các trường Đại học và Cao đẳng.
- Giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề trong lĩnh vực mỹ thuật công nghiệp.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về Mỹ thuật ứng dụng trong và ngoài nước.
- Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành Mỹ thuật ứng dụng tại các trường trong và ngoài nước.

Ngành

# KỸ THUẬT XÂY DỰNG

Mã xét tuyển: 7580201

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 155 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Xây dựng**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, toán học;
- Kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, kiến thức chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng;
- Kiến thức về công nghệ thông tin, ngoại ngữ Tiếng Anh đáp ứng cơ bản nhu cầu hoạt động nghề nghiệp;
- Kỹ năng thực hành nghề nghiệp, phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin liên quan trong lĩnh vực Xây dựng; kỹ năng dẫn dắt và khởi nghiệp;
- Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

Thiết kế kết cấu; tổ chức thi công; giám sát thi công, quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; quản lý đô thị; giảng dạy, nghiên cứu ứng dụng về xây dựng tại các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng trong và ngoài nước, ban quản lý dự án xây dựng, cơ quan chức năng về quản lý đô thị từ địa phương đến trung ương, Trường dạy nghề, Trường trung cấp, Trường cao đẳng và đại học về xây dựng.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tự học tập và tích lũy kiến thức thực tế để có đủ năng lực chuyên môn, kiến thức về pháp luật, ý thức tự chủ và chịu trách nhiệm để hình thành năng lực hành nghề độc lập với vai trò chỉ huy trưởng công trình, Kỹ sư giám sát thi công, Kỹ sư quản lý dự án, Kỹ sư thiết kế kết cấu công trình;
- Tiếp tục học tập lấy bằng Thạc sĩ, Tiến sĩ các chuyên ngành Xây dựng tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Ngành

# Y KHOA

**Mã xét tuyển: 7720101**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **6 năm / gồm: 238 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Bác sĩ Y Khoa**

**Chương trình đào tạo  
chi tiết**


## Chuyên môn được đào tạo

- Chẩn đoán, xử trí điều trị, theo dõi và dự phòng được các bệnh thường gặp và các cấp cứu thông thường ở các tuyến, đặc biệt ở tuyến y tế cơ sở.
- Định hướng chẩn đoán được một số bệnh chuyên khoa hay gặp.
- Chỉ định và đánh giá được một số xét nghiệm và một số thăm dò chức năng cơ bản phục vụ cho chẩn đoán các bệnh thông thường.
- Thực hiện được một số xét nghiệm đơn giản tại cộng đồng. Phát hiện sớm các dịch bệnh, tham gia phòng chống dịch, quản lý bệnh nhân ngoại trú toàn diện và liên tục.
- Kết hợp Y học hiện đại với Y học cổ truyền trong phòng và chữa bệnh
- Đề xuất được những biện pháp xử trí thích hợp, lập kế hoạch chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe toàn diện, liên tục cho cá nhân, gia đình, cộng đồng và bảo vệ môi trường.
- Tham gia nghiên cứu khoa học.
- Sử dụng thành thạo tối thiểu một ngoại ngữ & tin học để nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, giao dịch và hội nhập quốc tế về y học.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, bác sĩ Y khoa có thể về công tác ở tuyến y tế cơ sở và các tuyến y tế TW, tỉnh, Thành phố.
- Bác sĩ Y khoa có thể làm việc tại các bệnh viện của các tuyến từ Trung ương đến địa phương, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo, các cơ quan quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và các Tổ chức phi chính phủ có liên quan.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn, dài hạn trong và ngoài nước về chuyên ngành y đa khoa.
- Đủ trình độ để học nội trú, Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II của các chuyên ngành chuyên sâu tại các cơ sở đào tạo
- Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành Y tế tại các trường Đại học ở trong và ngoài nước.

Ngành

# DƯỢC HỌC

**Mã xét tuyển: 7720201**
**Thời gian đào tạo**

- Thời gian đào tạo: **5 năm / gồm: 187 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Dược sĩ**

**Chương trình đào tạo  
chi tiết**

**Chuyên môn được đào tạo**

Đào tạo Dược sĩ trình độ đại học theo định hướng ứng dụng. Người học có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật; có các kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu của ngành Dược học; có kỹ năng thực hành của ngành Dược học; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp thông tin liên quan đến ngành Dược học; kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong lĩnh vực Y - Dược học; có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp; có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ thuộc ngành Dược học; có đủ năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và công việc trong lĩnh vực Y - Dược học.


**Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp**

Sinh viên ra trường có thể làm việc tại các nhà máy sản xuất thuốc; các công ty cung ứng phân phối thuốc; các trung tâm kiểm nghiệm thuốc; khoa Dược tại các bệnh viện; các cơ sở bán lẻ thuốc; cơ quan quản lý thuốc Trung ương, địa phương; các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và cơ sở y tế...

**Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp**

- Đào tạo sau Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ, DSK I, DSK II... Trong và ngoài nước.
- Đào tạo cập nhật kiến thức, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ.



Ngành

# ĐIỀU DƯỠNG

Mã xét tuyển: 7720301

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 146 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Ứng dụng quy trình điều dưỡng để nhận định và lập kế hoạch chăm sóc cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Thực hiện các kỹ thuật sơ cấp cứu, điều dưỡng cơ bản và các kỹ thuật chăm sóc chuyên khoa, phục hồi chức năng cơ bản.
- Làm việc độc lập, làm việc nhóm và tự định hướng phát triển nghề nghiệp.
- Giao tiếp với đồng nghiệp, với người bệnh, người nhà người bệnh hiệu quả và tư vấn giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
- Sử dụng và quản lý trang thiết bị, vật tư y tế, môi trường buồng bệnh, người bệnh và nhân lực chăm sóc.
- Sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin vào nghiên cứu khoa học và công việc chuyên môn.



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Các cơ sở y tế công lập, ngoài công lập và liên danh và liên kết với nước ngoài ở trong nước.
- Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu ngành sức khỏe như các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu.
- Các cơ sở y tế ở nước ngoài theo các chương trình hợp tác lao động với Nhật, Đức, New Zeland...



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Điều dưỡng chuyên khoa định hướng và chuyên khoa điều dưỡng cấp I, cấp II.
- Thạc sĩ và Tiến sĩ điều dưỡng trong nước hoặc quốc tế.



Ngành

# RĂNG HÀM MẶT

Mã xét tuyển: 7720501

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **6 năm / gồm: 247 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Bác sĩ Răng Hàm Mặt**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Thực hiện được công tác tư vấn, giáo dục sức khỏe, tổ chức chăm sóc và nâng cao sức khỏe Răng - Hàm - Mặt, giữ gìn vệ sinh môi trường và đề xuất những biện pháp xử lý thích hợp.
- Chẩn đoán và xử trí ban đầu một số bệnh Răng - Hàm - Mặt như: lệch lạc răng, mất răng, ung thư, dị tật bẩm sinh, viêm nhiễm chấn thương hàm mặt...
- Xử trí được các trường hợp cấp cứu Răng - Hàm - Mặt như chảy máu sau nhổ răng, viêm tủy răng, gãy xương hàm...
- Sử dụng kết hợp được một số biện pháp y học cổ truyền trong phòng bệnh và chữa bệnh Răng - Hàm - Mặt.
- Sử dụng được ngoại ngữ để đọc, hiểu được tài liệu chuyên môn và thành thạo công nghệ thông tin để phục vụ cho quản lý, nghiên cứu khoa học.
- Tư duy phân biện
- Giao tiếp
- Tính chuyên nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục.
- Nền tảng kiến thức; tổng hợp và đánh giá thông tin lâm sàng - cận lâm sàng
- Chăm sóc bệnh nhân: Chẩn đoán và lập kế hoạch điều trị, Thực hành lâm sàng (Thiết lập và duy trì sức khỏe răng miệng).



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm việc tại các bệnh viện và phòng khám chuyên khoa.
- Có cơ hội tham gia các khóa đào tạo liên tục với các chuyên gia nước ngoài để không ngừng cập nhật và nâng cao kiến thức và tay nghề.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập, nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn, duy trì, cải thiện các kỹ năng mềm.
- Có khả năng tham gia các khóa đào tạo liên tục chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Có khả năng theo học các chương trình đào tạo để được cấp văn bằng sau đại học trong và ngoài nước.



Ngành

# NGÔN NGỮ ANH

Mã xét tuyển: 7220201

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 145 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Có kiến thức sâu về ngôn ngữ Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa) và khả năng thực hành ở mức độ cao (nghe, nói, đọc, viết) để vận dụng trong công tác dịch thuật, giảng dạy và các công việc có yêu cầu về tiếng Anh.
- Có kiến thức tổng hợp về đất nước, văn hóa, văn học Anh - Mỹ và một số quốc gia nói tiếng Anh, và những kiến thức cơ bản về giao tiếp liên văn hóa trong xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập cao.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

### VỀ DỊCH THUẬT

- Biên dịch, phiên dịch, trợ lý, thư ký... cho các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, công ty và tập đoàn có yếu tố nước ngoài, các doanh nghiệp dịch thuật, dịch công chứng;
- Cán bộ hợp tác quốc tế, đối ngoại, hướng dẫn du lịch;
- Có khả năng tạo dựng và làm chủ doanh nghiệp về kinh doanh dịch thuật.

### VỀ GIẢNG DẠY

- Giảng dạy tiếng Anh tại các trường học, trung tâm ngoại ngữ hoặc các cơ sở giáo dục khác.
- Có khả năng tạo dựng và điều hành các trung tâm ngoại ngữ, các cơ sở giảng dạy tiếng Anh phục vụ cộng đồng, các trung tâm tư vấn du học và gia sư;
- Có thể tham gia nghiên cứu về tiếng Anh cũng như việc dạy và học tiếng Anh.

### CÁC CÔNG VIỆC KHÁC

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường có thể làm thư ký văn phòng, hướng dẫn viên, lễ tân, tổ chức sự kiện trong các công ty, tập đoàn, doanh nghiệp.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sĩ) chuyên ngành ngôn ngữ Anh, ngôn ngữ học, ngôn ngữ học ứng dụng, giảng dạy tiếng Anh, nghiên cứu văn hóa và văn minh Anh - Mỹ tại các trường Đại học trong và ngoài nước.

Ngành

# NGÔN NGỮ NGA

Mã xét tuyển: 7220202

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 145 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Đạt trình độ kiến thức Tiếng Nga bậc 5 (C1) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Hiểu biết về lịch sử, văn hóa, về đất nước con người Nga; về đất nước con người Việt Nam để sử dụng trong công tác chuyên môn, đặc biệt trong công tác hướng dẫn du lịch;
- Hiểu biết và nắm vững kiến thức về pháp luật và bảo vệ môi trường, về quản lý, điều hành công tác giảng dạy, biên phiên dịch Tiếng Nga;
- Có thể viết rõ ràng, chặt chẽ, chi tiết về các chủ đề phức tạp, thể hiện được khả năng xây dựng văn bản.
- Đạt trình độ kiến thức sơ cấp ngoại ngữ thứ 2 (B1) Tiếng Anh/Trung/Hàn/Nhật theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Có kỹ năng nghe, nói, đọc, viết bằng tiếng Nga một cách thành thạo;
- Có thể theo dõi và hiểu được nội dung các bài nói với những chủ đề khác nhau.
- Có thể theo dõi và hiểu được những tranh luận và lập luận có sự trừu tượng.
- Có thể hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày.
- Có kiến thức về CNTT và sử dụng tốt CNTT trong công tác, học tập, giảng dạy, dịch thuật Tiếng Nga.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

### CHUYÊN NGÀNH BIÊN PHIÊN DỊCH T.N

- Có thể làm công tác biên dịch, phiên dịch, thư ký, lễ tân, trợ lý đối ngoại, nhân viên văn phòng tại các cơ quan chính phủ, phi chính phủ, các tổ chức quốc tế, tại văn phòng các Đại sứ quán và tại các công ty liên doanh có sử dụng Tiếng Nga, tại các văn phòng công chứng tiếng nước ngoài của VN.
- Làm việc tại các cơ quan nghiên cứu...

### CHUYÊN NGÀNH T.N KINH TẾ - DU LỊCH

- Làm hướng dẫn viên du lịch cho các công ty du lịch, lữ hành của Việt Nam.
- Làm việc tại các công ty nước ngoài cũng như công ty liên doanh dùng Tiếng Nga.
- Có thể tự mình hoặc phối hợp với người khác để lập các văn phòng du lịch lữ hành tại các điểm du lịch.
- Tham gia đàm phán, giao dịch, ký kết hợp đồng kinh doanh bằng Tiếng Nga.

### CHUYÊN NGÀNH GIẢNG DẠY T.N

Sau khi được trang bị các kiến thức cần thiết về giáo học pháp, sinh viên tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các khóa đào tạo hướng dẫn viên và nghiệp vụ du lịch có sử dụng Tiếng Nga, cũng như có thể làm giáo viên dạy Tiếng Nga ở các Trường ĐH có Khoa Tiếng Nga và tại các trường Phổ thông chuyên Nga cũng như các Trung tâm Ngoại ngữ dạy Tiếng Nga.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ học bậc sau đại học được đào tạo tại Việt Nam và Liên bang Nga, cụ thể là các chương trình Thạc sĩ và nghiên cứu sinh.
- Có thể làm hồ sơ để dự tuyển học bổng Thạc sĩ tại Liên bang Nga. Đây là học bổng Hiệp định giữa Việt Nam và Liên bang Nga, nhằm tạo cơ hội, điều kiện để sinh viên được tiếp tục học tập, trao đổi chuyên môn của mình nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực nói tiếng Nga.

Ngành

# NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC

Mã xét tuyển: 7220204

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 145 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Có khả năng sử dụng thành thạo máy tính để đánh máy bằng tiếng Trung.
- Sử dụng thành thạo các phần mềm văn bản liên quan đến tiếng Trung.
- Có kỹ năng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo trong việc sử dụng CNTT để làm báo cáo thuyết trình bằng tiếng Trung.
- Có kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Trung lưu loát.
- Có kỹ năng biên, phiên dịch tốt những tài liệu thuộc các lĩnh vực văn hóa, kinh tế, chính trị, xã hội, du lịch.
- Có kỹ năng năng tư duy, phát triển, thể hiện ý tưởng để hoàn thành báo cáo hoặc luận văn bằng tiếng Trung.
- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng bằng tiếng Trung trước khách hàng và đối tác có sử dụng tiếng Trung.
- Có kỹ năng làm việc nhóm và sắp xếp công việc trong quá trình làm việc.
- Có khả năng làm thư ký đối ngoại cho giám đốc.
- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các tài liệu tiếng Trung.
- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường.
- Có thể viết được báo cáo bằng tiếng Trung có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn bằng tiếng Trung.
- Có kỹ năng sử dụng CNTT trong việc hoàn thành báo cáo, tiểu luận và luận văn bằng tiếng Trung.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Cử nhân ngành tiếng Trung có thể tham gia làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc các doanh nghiệp trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực tiếng Trung như phiên dịch, biên dịch, xuất nhập khẩu, thương mại quốc tế...
- Làm việc ở các cơ quan quản lý, tổ chức doanh nghiệp trong và ngoài nước có liên quan đến tiếng Trung.
- Nghiên cứu khoa học thuộc các lĩnh vực về chuyên nghiên cứu ngôn ngữ tiếng Trung tại các Viện nghiên cứu ngôn ngữ hoặc tại các trường Đại học và Cao đẳng có liên quan đến tiếng Trung.
- Giảng dạy tại các trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, dạy nghề có liên quan đến tiếng Trung.

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao ngắn hạn về tiếng Trung trong và ngoài nước;
- Đủ trình độ để học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan như tiếng Anh, tiếng Nhật;
- Đủ trình độ học bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) chuyên ngành tiếng Trung tại các trường trong và ngoài nước

Ngành

# KINH TẾ

Chuyên ngành

Kinh tế quốc tế  
Quản lý kinh tế  
Kinh tế tổng hợp

Mã xét tuyển: 7310101

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị và pháp luật; kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức kinh tế vững chắc của ngành Kinh tế, chuyên sâu: Quản lý kinh tế, Kinh tế tổng hợp và Kinh tế quốc tế ở các lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế, xuất nhập khẩu, quản lý và khai thác tài nguyên thiên nhiên; các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế, quản lý và phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; tổ chức quản lý các dự án đầu tư phát triển công và tư.
- Có kỹ năng thực hiện nghề nghiệp như: phân tích, hoạch định và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội; kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp, khởi nghiệp.
- Có đủ năng lực công nghệ thông tin, ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu trong giao tiếp, nghiên cứu và trong công việc, đáp ứng yêu cầu phát triển trong xu hướng hội nhập quốc tế và cách mạng 4.0.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước;
- Làm việc trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Làm việc trong các tổ chức phi chính phủ;
- Làm việc tại các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có trình độ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước.
- Đủ trình độ để theo học Thạc sỹ ngành Kinh tế trong và ngoài nước.

# Ngành QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

**Mã xét tuyển: 7310205**

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản
- Công chức công vụ, luật cán bộ công chức; luật viên chức;
- Tổ chức nhân sự hành chính, Kỹ năng lãnh đạo, quản lý;
- Tổ chức quản trị văn phòng trong các cơ quan, doanh nghiệp;
- Kỹ năng giao tiếp, Lễ tân nhà nước, Kỹ năng thuyết trình, Tổ chức khoa học lao động và làm việc theo nhóm, kỹ năng xử lý tình huống, đàm phán, đối thoại;
- Nghiệp vụ thư ký, trợ lý hành chính, tin học văn phòng, kỹ năng tác nghiệp hành chính và văn thư lưu trữ;
- Nghiệp vụ kế toán hành chính...
- Sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng phân tích và nghiên cứu để xử lý các nghiệp vụ phát sinh trong thực tiễn công tác tại tổ chức có liên quan tới lĩnh vực quản lý nhà nước.

- Ngoại ngữ:

Tiếng Anh tương đương TOEIC 450 hoặc ngoại ngữ khác tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Tin học:

Có kỹ năng sử dụng tốt các phần mềm tin học như word, excel, ...

ứng dụng trong hành chính, văn phòng và bối cảnh phát triển quản lý điện tử và hội nhập hiện nay.

Kỹ năng bổ trợ

- Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác và thành thạo các kỹ năng công tác quản lý ở các tổ chức khu vực công, khu vực tư cũng như đối với cộng đồng.
- Có kỹ năng truyền thông, biết sử dụng các phương tiện hỗ trợ, có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá, dự báo, xây dựng kế hoạch và viết báo cáo;
- Kỹ năng soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản; kỹ năng tổng hợp, xử lý và phân tích thông tin phục vụ xây dựng và ban hành quyết định quản lý, kỹ năng phân tích, hoạch định, thực hiện chính sách công; văn thư; lưu trữ...;
- Có khả năng tư duy theo hệ thống và sáng tạo;
- Có khả năng ứng dụng các phương tiện khoa học, kỹ thuật hiện đại trong lĩnh vực quản lý nhà nước như Chính phủ điện tử, Quản lý công mô hình hiện đại...
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử; Tổ chức làm việc khoa học trong công sở...

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi ra trường sinh viên có thể làm việc tại các tổ chức khu vực công, khu vực tư và các đoàn thể với các vị trí việc làm sau đây:

- Chuyên viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc quản lý hành chính, quản trị tổ chức, nhân sự hành chính, phân tích xây dựng và thực hiện chính sách, tổ chức khoa học lao động quản lý, quản trị hành chính văn phòng.
- Cán bộ hành chính văn phòng; Thư ký tổng hợp; Chuyên viên văn phòng; Cán bộ văn thư – lưu trữ trong các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp...
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy ngành Quản lý nhà nước ở các trường cao đẳng, đại học, các trung tâm và viện nghiên cứu.
- Sau khi nhận được bằng cử nhân Quản lý nhà nước sinh viên có thể tiếp tục học tập, nghiên cứu ở trong nước cũng như nước ngoài các bậc Cao học và Nghiên cứu sinh
- Tham gia ông tác Quản trị, Quản lý và Điều hành...

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Tham gia các khóa học, bồi dưỡng ngắn hạn về ngành quản lý nhà nước trong và ngoài nước.
- Học bằng đại học thứ 2 của các chuyên ngành liên quan.
- Học trình độ sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) ngành Quản lý Công tại các trường trong và ngoài nước.

Ngành

# QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Mã xét tuyển: 7810103

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: **4 năm / gồm: 137 Tín chỉ**  
(không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Cử nhân**

Chương trình đào tạo  
chi tiết

## Chuyên môn được đào tạo

- Kỹ năng nghề nghiệp trong ngành du lịch và dịch vụ.
- Khả năng lập luận, tư duy và giải quyết vấn đề trong du lịch, dịch vụ.
- Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức du lịch.
- Năng lực vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp du lịch.
- Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp du lịch.
- Kỹ năng tự chủ.
- Kỹ năng làm việc nhóm trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ.
- Quản lý và lãnh đạo các công việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành du lịch, dịch vụ.
- Kỹ năng giao tiếp, sử dụng tiếng Anh
- Có năng lực về:
  - + Quản lý kinh doanh Lữ hành
  - + Quản lý kinh doanh Nhà hàng
  - + Quản lý kinh doanh Khách sạn



## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch; các khách sạn; nhà hàng; công ty lữ hành, công ty du lịch;
- Trở thành hướng dẫn viên du lịch; nhà quản trị - điều hành - thiết kế tour tại các công ty du lịch trong, ngoài nước; trở thành nhân viên hoặc cán bộ tổ chức, quản lý tại các khách sạn, nhà hàng, công ty lữ hành; Làm việc tại khu lưu trú (khách sạn, khu nghỉ dưỡng...). Các đơn vị vận chuyển, tổ chức sự kiện và các đơn vị dịch vụ khác;
- Tự thành lập công ty kinh doanh dịch vụ du lịch - lữ hành, nhà hàng, khách sạn và doanh nghiệp cung ứng thực phẩm cho các khách sạn, nhà hàng;
- Chuyên viên về marketing: tư vấn, thiết kế, triển khai chiến lược marketing cho công ty dịch vụ du lịch lữ hành; khách sạn, nhà hàng;
- Chuyên viên phát triển sản phẩm dịch vụ: nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới để đáp ứng nhu cầu của khách hàng;
- Nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu...

## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ trong quá trình công tác và tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn: Thạc sĩ, Tiến sĩ.



Ngành

# QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Mã xét tuyển: 7850101

## Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo: 4 năm / gồm: 155 Tín chỉ (không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh)
- Cấp bằng **Kỹ sư Quản lý tài nguyên và Môi trường**

Chương trình đào tạo chi tiết



## Chuyên môn được đào tạo

- Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường.
- Các phương pháp Quản lý tài nguyên như tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất hiếm.
- Các phương pháp Quản lý môi trường như: môi trường đất, môi trường không khí, môi trường nước.
- Các phương pháp xử lý ô nhiễm môi trường như kỹ thuật xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại, xử lý ô nhiễm không khí.
- Có khả năng sáng tạo, linh hoạt, trung thực làm việc quốc tế.

## Cơ hội việc làm sau tốt nghiệp

- Làm cán bộ chuyên môn môi trường trong tất cả các loại doanh nghiệp: mỳ chính, thép, thủy sản, dược phẩm, thực phẩm, bánh kẹo ,,,
- Làm công tác thanh tra, giám sát môi trường tại các phòng - Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Làm giáo viên môi trường cho trường trung cấp, cao đẳng.
- Làm cảnh sát môi trường thuộc Bộ công an.



## Cơ hội học tập, nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

- Có đủ năng lực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn
- Có khả năng học cao học như Thạc sĩ, Tiến sĩ



# HUBT TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY 2026

## SỨ MẠNG



MÃ TRƯỜNG: **DQK**

“...Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội thành lập năm 1996, là cơ sở giáo dục hoạt động vì sự nghiệp “trồng người”, không vì mục tiêu lợi nhuận, với Sứ mạng:

*Cung cấp các sản phẩm đào tạo là các nhà quản lý kinh tế, bác sĩ, dược sĩ, chuyên gia kỹ thuật - công nghệ, ngôn ngữ có chất lượng và trình độ cao cho xã hội. Phát triển nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tri thức đa ngành, đa lĩnh vực...”*

## DANH MỤC Mã Xét tuyển các Chương trình đào tạo

TT	Mã xét tuyển	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Mã PTTS	Tổ hợp xét tuyển (Danh mục tổ hợp xem phụ lục TTTS)
1	7210403	Thiết kế đồ họa	100	100, 200, 405, 406	H01;H06;H08
2	7340101	Quản trị kinh doanh	960	100, 200, 402	A00;A01;C04;D01;D09;D10;X17;X25
3	7340120	Kinh doanh quốc tế	400	100, 200, 402	A00;C04;D01;D09;D10;X21;X25
4	7340201-1	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Ngân hàng)	185	100, 200, 402	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
5	7340201-2	Tài chính - Ngân hàng (chuyên ngành Tài chính)	185	100, 200, 402	A00;A01;C03;D01;D10;X01;X17;X25
6	7340301	Kế toán	470	100, 200, 402	A00;C01;C03;D01;D09;D10;X17;X25
7	7380107	Luật kinh tế	284	100, 200, 402	A00;C00;C03;D01;D09;D10;X01;X25
8	7480201	Công nghệ thông tin	960	100, 200, 402	A00;A01;D01;D10;X02;X05;X06;X26
9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử	170	100, 200, 402	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	301	100, 200, 402	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
11	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	150	100, 200, 402	A00;A01;D01;X05;X06;X07;X11;X21
12	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	30	100, 200, 402	A00;A06;B00;B03;C02;X05;X07;X11
13	7580101	Kiến trúc	50	100, 200, 405, 406	H00;H06;V00;V01;V02;V06
14	7580106	Quản lý đô thị và công trình	20	100, 200, 402	A00;A01;D01;X05;X06;X21
15	7580108	Thiết kế nội thất	50	100, 200, 405, 406	H01;H06;H08
16	7580201	Kỹ thuật xây dựng	70	100, 200, 402	A00;A01;A04;B08;X01;X05;X06;X11;X21
17	7720101	Y khoa	144	100, 200	A00;A02;B00;B01;B03;D07;D08;X13
18	7720201	Dược học	180	100, 200	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
19	7720301	Điều dưỡng	64	100, 200	A00;A01;A02;B00;D07;X06;X09;X10;X13
20	7720501	Răng - Hàm - Mặt	60	100, 200	A00;A01;A02;B00;B01;B03;B04;D07;D08
21	7220201	Ngôn ngữ Anh	320	100, 200, 402	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
22	7220202	Ngôn ngữ Nga	50	100, 200, 402	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
23	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	899	100, 200, 402	C00;D01;D09;D14;D15;X25;X78
24	7310101	Kinh tế	200	100, 200, 402	A00;A01;D01;X05;X06;X11;X17;X21
25	7310205	Quản lý nhà nước	40	100, 200, 402	C00;C04;D01;X05;X21;X62;X70;X78
26	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	238	100, 200, 402	A00;A07;C00;C04;X05;X21;X74;X78
27	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	50	100, 200, 402	A00;A06;B00;D07;D12;X01;X13;X62

### Ghi chú: Mã PTTS

**100:** Xét Kết quả thi tốt nghiệp THPT; **200:** Xét Kết quả học tập cấp THPT;  
**402:** Sử dụng Kết quả thi đánh giá tư duy (TSA), đánh giá năng lực (HSA) của Trường ĐHBKHN & ĐHQGHN;  
**405:** Kết quả thi THPT kết hợp điểm năng khiếu; **406:** Kết quả học tập THPT kết hợp điểm năng khiếu.

## PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

- Nguyên tắc xét tuyển:**  
Căn cứ vào điểm xét tuyển, xếp từ cao xuống thấp.
- Điểm xét tuyển:**  
Chi tiết cách tính điểm và quy đổi điểm của từng phương thức được công bố trong cuốn Thông tin tuyển sinh của Trường tại website: [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)

### PTTS 100: Xét dựa vào kết quả thi THPT

- Tiêu chí:** Dựa vào Kết quả thi THPT Quốc gia 2026
- Ngưỡng đầu vào<sup>(\*)</sup>:** điểm tổ hợp xét tuyển (hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT 3 môn **Toán + Văn + 1 môn bất kỳ khác**) tối thiểu là **15** điểm.

### PTTS 200: Xét dựa vào kết quả học tập cấp THPT

- Tiêu chí:** Dựa vào Kết quả học tập cả năm cấp THPT
- Ngưỡng đầu vào<sup>(\*)</sup>:** điểm tổ hợp xét tuyển theo **PTTS 100** (hoặc điểm thi tốt nghiệp THPT 3 môn **Toán + Văn + 1 môn bất kỳ khác**) tối thiểu là **15** điểm.

**Đối với thí sinh tốt nghiệp từ năm 2025 trở về trước:**  
Xác định theo quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào so với **PTTS 100**.

### PTTS 402:

Xét dựa vào kết quả đánh giá tư duy, đánh giá năng lực

- Tiêu chí:** Dựa vào kết quả kỳ thi đánh giá tư duy do ĐHBK Hà Nội tổ chức (TSA) hoặc Kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG Hà Nội tổ chức (HSA).
- Ngưỡng đầu vào<sup>(\*)</sup>:**  
Xác định theo quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào so với **PTTS 100**.

## THÔNG TIN KHÁC

- Phạm vi tuyển sinh:**  
Tuyển sinh trong phạm vi cả nước
- Hồ sơ xét tuyển:**  
Chi tiết xem tại website: [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)
- Hình thức nhận hồ sơ:**
  - Đăng ký nguyện vọng trên cổng tuyển sinh của Bộ GD&ĐT tại địa chỉ: [thisinh.thi THPT quốc gia.edu.vn](http://thisinh.thi THPT quốc gia.edu.vn)
  - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trường, Nộp trực tuyến tại [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)
- Lệ phí xét tuyển và học phí:**
  - Lệ phí xét tuyển và thi tuyển: theo quy định của Bộ GD&ĐT
  - Học phí:  
Chi tiết xem tại website: [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)
- Chính sách ưu tiên:**  
Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi THPT được cộng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Chính sách ưu tiên khác: theo quy chế của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.  
Chi tiết xem tại website: [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)

<sup>(\*)</sup> Chi tiết quy định **Ngưỡng đầu vào** theo từng PTTS xem trong

### THÔNG TIN TUYỂN SINH 2026

tại website: [tuyensinh.hubt.edu.vn](http://tuyensinh.hubt.edu.vn)

## THÔNG TIN LIÊN HỆ: TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH DOANH VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

Cơ sở chính: Số 29A, Ngõ 124 Phố Vĩnh Tuy, Phường Vĩnh Hưng, TP. Hà Nội  
 Cơ sở 2: Phường Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh  
 Website: <http://hubt.edu.vn>  
 Website tuyển sinh: <http://tuyensinh.hubt.edu.vn>

Hotline: 024-36339113

Facebook



Website tuyển sinh

